

PHÚ SÔNG BẠCH ĐẰNG (TRƯƠNG HÁN SIÊU)

A. SƠ ĐỒ TƯ DUY



I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Tác giả

- Trương Hán Siêu (? - 1354) tự Thăng Phủ quê Ninh Bình.
- Là người có tính tình cương trực, học vấn uyên thâm, từng tham gia các cuộc chiến đấu của quân dân nhà Trần chống quân Mông - Nguyên, được vua Trần tin cậy và nhân dân kính trọng.

2. Tác phẩm

a. Hoàn cảnh sáng tác

- Khi vương triều nhà Trần đang có những biểu hiện suy thoái, cần phải nhìn lại quá khứ anh hùng để củng cố niềm tin trong hiện tại.
- Dự đoán vào khoảng 50 năm sau cuộc kchiến chống quân Nguyên - Mông thắng lợi.

b. Thể loại

- Phú cổ thể (đặc trưng là: chủ - khách đối đáp).

c. Bố cục

- 3 đoạn.
- + Đoạn 1: Niềm vui thích du ngoạn nhất là du ngoạn trên sông Bạch Đằng;
- + Đoạn 2: Thuật lại chiến công trên sông Bạch Đằng của cha ông ta xưa;

+ Đoạn 3: Bài học rút ra trên con sông này.

II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN

1. Hình tượng nhân vật *khách*

- Là sự phân thân của tác giả nhằm tạo tính khách quan cho điều sẽ nói.

- Mục đích dạo chơi thiên nhiên, chiến địa của *khách*:

+ Thường thức vẻ đẹp thiên nhiên.

+ Tìm hiểu cảnh trí đất nước, bồi bổ trí thức.

- Các địa danh mà *khách* đã đi qua:

+ Địa danh lịch sử lấy từ trong điển cố Trung Quốc: sông Nguyên, sông Tương, Cửu Giang, Ngũ Hồ, Tam Ngô, Bách Việt, Đầm Vân Mộng.

-> Tác giả đi qua chủ yếu bằng trí thức sách vở, trí tưởng tượng.

+ Địa danh của đất Việt: cửa Đại Than, bến Đông Triều, sông Bạch Đằng.

-> Đây là các địa danh cụ thể, có thực -> Tác giả dừng lại ở sông Bạch Đằng, nơi chiến tích xưa để tìm hiểu, thưởng ngoạn.

- Cảnh sông Bạch Đằng: vừa hùng vĩ, nên thơ, vừa ảm đạm, hiu hắt, vắng lặng: *Bát ngát...ba thu.*

- Tâm trạng *khách*: vừa vui sướng, tự hào vừa buồn đau, tiếc nuối..

-> Nhân vật *khách* là người có tâm hồn phóng khoáng, tự do, có hoài bão lớn lao, có vốn hiểu biết phong phú, yêu thiên nhiên, yêu nước và tự hào về dân tộc.

2. Hình tượng *bô lão*

- Hình tượng các *bô lão*: có thể là nhân dân địa phương, có thể là hư cấu.

- Vai trò:

+ Là người chứng kiến lịch sử.

+ Là người kể lại cho *khách* nghe về những chiến tích hào hùng.

- Đến với *khách* bằng thái độ nhiệt tình, hiếu khách, tôn kính khách.

- Kể về chiến trận trên dòng sông Bạch Đằng lịch sử:

+ Hồi tưởng về trận *Ngô chúa phá hoằng Thao*.

+ Kể về chiến tích *Trùng Hưng nhị thánh bắt Ô Mã*.

+ Quang cảnh, không khí chiến trận:

- Binh lực hùng hậu:

Thuyền bè muôn đội.

Tinh kì phấp phới.

Hùng hổ sáu quân.

Giáo gươm sáng chói.

- Tính chất gay go, quyết liệt: Trận thủy chiến kinh thiên động địa giữa quân ta và kẻ thù. Đó là sự đối đầu về lực lượng và ý chí.

-> Hình ảnh phóng đại: nhật nguyệt - mờ; trời đất - đổi.

-> Đối lập: Sự huyênh hoang, hung hăng, kiêu ngạo của kẻ thù -> Sự thực thất bại thảm hại.

-> Hình ảnh so sánh: Thế trận của ta và địch - Trận Xích Bích, Hợp Phì (những trận đánh lớn, quyết liệt, nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc) -> khẳng định chiến thắng hào hùng, vang dội của ta và bày tỏ niềm tự hào dân tộc.

- Thái độ, giọng điệu của các bộ lão khi kể chuyện: nhiệt huyết, tự hào, mang cảm hứng của người trong cuộc.

- Suy ngẫm, bình luận về chiến thắng:

+ Chỉ ra nguyên nhân ta thắng, địch thua: do sự hỗ trợ của trời đất (thiên thời, địa lợi) nhưng trên hết là vai trò của con người (nhân hoà)

+ Khẳng định sức mạnh, vị trí của con người. Đó là cảm hứng mang giá trị nhân văn và có tầm triết lí sâu sắc.

3. Lời ca, lời bình luận của bộ lão và khách

a. Lời ca cuối cùng của các bộ lão: *Sông...lưu danh*: Mang ý nghĩa tổng kết, có giá trị như một tuyên ngôn về chân lí: bất nghĩa thì tiêu vong, anh hùng thì lưu danh thiên cổ -> chân lí này là vĩnh hằng, bất biến.

b. Lời ca của khách:

- Ca ngợi sự anh minh của 2 vị thánh quân (Trần Nhân Tông và Trần Thánh Tông).

- Ca ngợi chiến tích trên sông Bạch Đằng.

- Khẳng định chân lí: Vai trò và vị trí quyết định của con người trong tương quan với yếu tố đất đai hiểm yếu.

-> Niềm tự hào dân tộc và tư tưởng nhân văn cao đẹp.

- Nghệ thuật:

+ Sử dụng thể phú tự do, không gò bó và niêm luật, kết hợp giữa tự sự và trữ tình, có khả năng bộc lộ cảm xúc phong phú, đa dạng,...

+ Kết hợp chặt chẽ, thủ pháp liên ngâm, lối dặt khoa trương,...

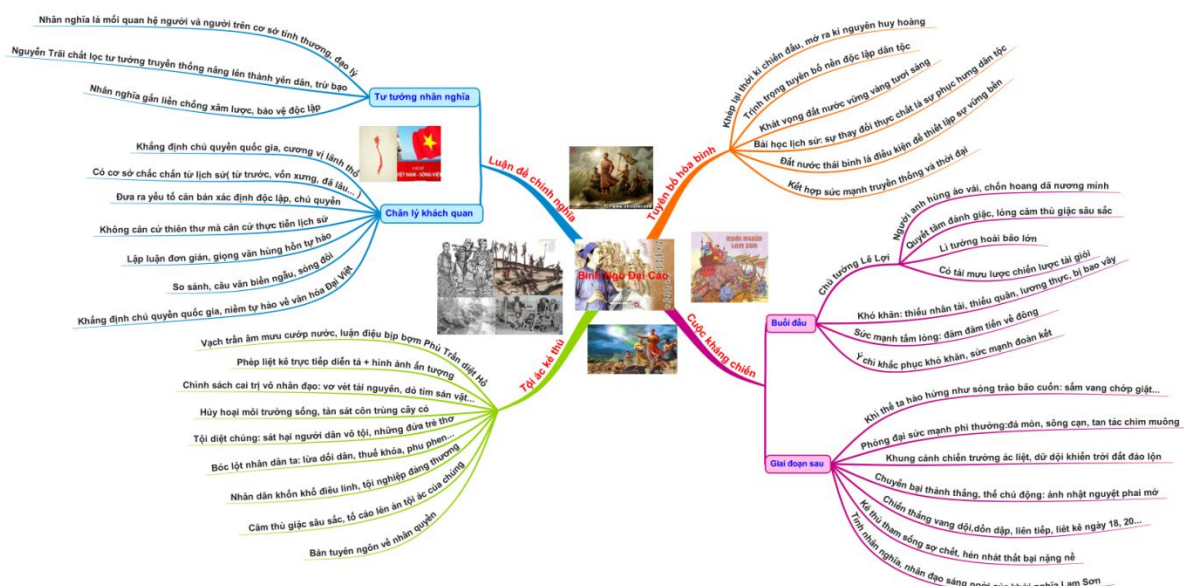
III. TỔNG KẾT

- Thể hiện niềm tự hào, niềm tin vào con người và vận mệnh quốc gia, dân tộc.

- Lòng yêu nước sâu sắc của tác giả.

Bài 21. ĐẠI CÁO BÌNH NGÔ (Nguyễn Trãi)

SƠ ĐỒ TƯ DUY



I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Hoàn cảnh ra đời

- Đầu 1428, sau khi chiến thắng giặc Minh, Lê Lợi lên ngôi vua, giao cho Nguyễn Trãi viết bài *Đại cáo bình Ngô*.

- Bài cáo là lời tuyên bố kết thúc chiến tranh, lập lại hoà bình cho đất nước.

2. Thể loại

- Cáo.

3. Nhan đề

- *Đại cáo*: bài cáo mang tính quốc gia, trọng đại.
- *Bình Ngô*: dẹp yên giặc Ngô (giặc Minh- cách gọi thể hiện sự khinh bỉ, căm thù đối với giặc Minh xâm lược.)
- > Bài cáo có ý nghĩa trọng đại của quốc gia, được công bố rộng khắp về việc dẹp yên giặc Ngô.

4. Bố cục

- Đoạn 1: Nêu luận đề chính nghĩa.
- Đoạn 2: Tố cáo tộc ác kẻ thù.
- Đoạn 3: Kể lại quá trình chinh phạt gian khổ và tất thắng của cuộc khởi nghĩa.
- Đoạn 4: Tuyên bố chiến quả, khẳng định sự nghiệp chính nghĩa.

5. Chủ đề

- Nêu cao tư tưởng nhân nghĩa và tư tưởng độc lập dân tộc.

II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN

1. Nêu luận đề chính nghĩa

a. Tư tưởng nhân nghĩa

- Tư tưởng nhân nghĩa là tư tưởng có tính chất phổ biến thời bấy giờ được mọi người thừa nhận. Nhân nghĩa là mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người trên cơ sở tình thương và đạo lí.
- Nguyễn Trãi chất lọc tư tưởng nhân nghĩa truyền thống, nâng lên thành tư tưởng *yên dân, trừ bạo*.
- > Nhân nghĩa gắn liền với chống xâm lược (tích cực).

b. Chân lí khách quan về sự tồn tại độc lập, có chủ quyền của nước Đại Việt

- Có cơ sở chắc chắn từ lịch sử (*từ trước, vốn xưng, đã lâu, đã chia, cũng khác*)
- Đưa ra những yếu tố căn bản để xác định độc lập, chủ quyền dân tộc: *lãnh thổ, phong tục tập quán, nền văn hiến lâu đời, lịch sử riêng, chế độ riêng và hào kiệt đời nào cũng có*.

-> Khẳng định nền độc lập, quyền bình đẳng dân tộc.

- Nghệ thuật:

+ Lập luận đơn giản, giọng văn hùng hồn, sung sướng, đầy tự hào.

+ Dùng từ mang tính chất khẳng định sự thật hiển nhiên.

+ So sánh, câu văn biến ngẫu, sóng đôi.

-> Nêu cao tư tưởng nhân nghĩa yêu nước thương dân, khẳng định nền độc lập dân tộc, nhấn mạnh mục đích, chính nghĩa của cuộc kháng chiến chống quân Minh đồng thời biểu lộ niềm tự hào về truyền thống văn hoá Đại Việt.

2. Tố cáo tội ác của giặc Minh

- Vạch trần âm mưu cướp nước ta của giặc Minh, vạch trần luận điệu bịp bợm *phù Trần diệt Hồ* của giặc.

- Chủ trương cai trị thâm độc, vô nhân đạo, vô cùng hà khắc:

+ Tội ác diệt chủng: Tàn sát người dân vô tội hết sức man rợ.

+ Bóc lột dã man: Bóc lột sức lao động (thuế khoá, phu phen, tạp dịch), vơ vét của cải, tài nguyên.

+ Diệt sản xuất, huỷ diệt cả môi trường sống của nhân dân ta.

- Thái độ tố cáo:

+ Căm thù giặc sôi sục, khinh miệt, coi giặc như dã thú.

+ Kết tội giặc một cách khái quát và đanh thép

-> Phải đứng lên hành động.

- Nghệ thuật: Vận dụng kết hợp những chi tiết hình ảnh vừa cụ thể, vừa khái quát, lối liệt kê liên tiếp, đối lập, dùng hình tượng để diễn tả tội ác kẻ thù, lời văn linh hoạt về giọng điệu.

-> Tội ác của giặc Minh chất chồng, nhiều vô số kể. Tác giả đứng trên lập trường nhân bản, đứng về quyền sống của người dân vô tội để tố cáo, lên án tội ác của chúng

-> *Đại cáo bình Ngô* chứa đựng những yếu tố của *bản tuyên ngôn nhân quyền*.

3. Lược thuật cuộc kháng chiến

a. Buổi đầu khởi nghĩa

- Những khó khăn buổi đầu khởi nghĩa:

- + Lúc khởi nghĩa: ta yếu >< giặc mạnh.
- + Thiếu nhân tài, thiếu quân, thiếu lương thực, bị bao vây.
- Yếu tố khắc phục khó khăn: người chủ tướng có tài lãnh đạo, biết dựa vào dân.
- + Chân dung chủ tướng Lê Lợi: Là người anh hùng áo vải xuất thân từ nhân dân, xuất hiện với tư cách là người đại diện cho chính nghĩa.
- + Có lòng căm thù giặc sâu sắc.
- + Có lí tưởng hoài bão lớn *tấm lòng cứu nước...tiến về đông*, có ý chí quyết tâm thực hiện lí tưởng *đau lòng nhức óc, quên ăn vì giận, những trăn trở...nỗi đồ hỏi*.
- + Có đường lối chiến tranh nhân dân, biết dùng mưu lược và chiến lược tài giỏi: chọn người tài, chọn nơi hiểm trở để đóng quân, đoàn kết, chọn cách đánh thích hợp *Lấy ít địch nhiều, yếu chống mạnh, đánh lâu dài, đánh vào tâm (mưu phạt tâm công)*.
- > Qua hình tượng Lê Lợi, tác giả Nguyễn Trãi đã khắc họa được những khó khăn gian khổ và ý chí quyết tâm chống ngoại xâm, tinh thần đoàn kết của toàn dân tộc.

b. Giai đoạn hai cuộc khởi nghĩa

- Giai đoạn mở màn: hai trận đánh lớn: đánh vào Nam.
- + Trận Bồ Đằng...
- + Miền Trà Lân...tro bay.
- + Khí thế của ta: *sấm vang chớp giạt, trúc chẻ tro bay* >< Địch: *nghe hơi mất vía, nín thở cầu thoát thân*.
- > Lời văn ngắn gọn mà sắc sảo, sử dụng phép đối, liệt kê, thậm xưng, hình ảnh so sánh rất gợi cảm: ta đánh nhanh thắng nhanh khiến địch trở tay không kịp như bị sét đánh, thất bại và tan hoang.
- Giai đoạn áp đảo:
- + *Tây Kinh...thu về*,
- + *Ninh Kiều.....vạn dặm*
- + *Tốt Động....cả thế gian*.
- > Đánh hướng ra Bắc.
- Trận diệt viện cuối cùng: chiến thắng Chi Lăng - Xương Giang.
- + Địch: Thất bại thảm hại, tham sống sợ chết đến đón hèn.

- + Ta: Chiến thắng giòn giã với sức mạnh lay trời chuyển đất.
- Nghệ thuật: Thủ pháp nghệ thuật liệt kê, đối lập, so sánh tương phản, thậm xưng, sử dụng câu dài ngắn khác nhau -> Nổi bật sự chiến thắng của ta và sự thất bại của giặc.
- Hành động tha cho giặc: Làm nổi bật tính chất chính nghĩa, nhân đạo sáng ngời của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

4. Lời tuyên bố hoà bình và bài học lịch sử

- Lời tuyên bố trang nghiêm, trịnh trọng về nền độc lập dân tộc, chủ quyền đất nước đã được lập lại, bày tỏ niềm tin vững chắc vào tương lai.
- Bài học lịch sử: Sự thay đổi nhưng thực chất là sự phục hưng (*bĩ rồi lại thái, hối rồi lại minh*) là nguyên nhân, là điều kiện để thiết lập sự vững bền -> viễn cảnh của đất nước hiện ra thật tươi sáng, huy hoàng.
- Sự kết hợp giữa sức mạnh truyền thống và sức mạnh thời đại: có hiện thực hôm nay và tương lai ngày mai là bởi *nhờ trời đất tổ tông...giúp đỡ*, nhờ có chiến công trong quá khứ: *Một cổ...ngàn năm*.

III. TỔNG KẾT

- Bút pháp anh hùng ca đậm tính chất sử thi với các bút pháp nghệ thuật so sánh, tương phản, liệt kê;
- Giọng văn biến hoá linh hoạt, hình ảnh sinh động, hoành tráng.
- Bản anh hùng ca tổng kết cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược, gian khổ mà hào hùng của quân dân Đại Việt; bản Tuyên ngôn Độc lập sáng chói tư tưởng nhân nghĩa và khát vọng hòa bình.